ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ ĐÔNG SÀI GÒN

Số: K04-2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE MÔ TÔ HẠNG A1

Kính gửi: Sở giao thông vận tải Hồ Chí Minh

Thực hiện Công văn số 4134/SGTVT-SH ngày 07/06/2019 của Sở Giao Thông Vận tải TP.Hồ Chí Minh cấp về việc chấp thuận Phương án hoạt động đào tạo lái xe hạng A1, Trường Trung Cấp Nghề Đông Sài Gòn đã tổ chức khóa đào tạo để sát hạch cấp giấy phép lái xe môtô hạng A1, với danh sách học viên kèm theo.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải Hồ Chí Minh chấp thuận và tổ chức sát hạch, cấp giấy phép lái xe cho các học sinh tốt nghiệp khóa đào tạo.

DANH SÁCH HỌC SINH

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Ngày khai giảng	Ngày bế giảng	Ngày sát hạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	NGUYỄN HUỲNH DIỄM ÁI	25/07/1999	Ấp Tân Lễ 1 X. Tân Trung, H. Mỏ Cày Nam, T. Bến Tre	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
2	ĐẶNG NGỌC PHƯƠNG AN	23/08/2002	Ấp Đông Thạnh X. An Thái Đông, H. Cái Bè, T. Tiền Giang	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
3	NGUYỄN LONG AN	06/01/1999	TT. Tăng Bạt Hổ, H. Hoài Ân, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
4	NGUYỄN THANH ÂN	13/11/1991	X. An Hòa, H. An Lão, T. Bình Định	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
5	BÙI NGUYỄN TUẤN ANH	23/06/2001	75 Đường 16, Kp Vĩnh Thuận P. Long Bình, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
6	HUỲNH ANH	15/09/2001	Thôn 1 X. Long Sơn, TP. Vũng Tàu, T. Bà Rịa - Vũng Tàu	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
7	NGÔ VĂN ANH	24/01/2002	X. Nghị Đức, H. Tánh Linh, T. Bình Thuận	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
8	TÔ KIỀU ANH	25/05/1999	Long Thuận B X. Long Hưng, H. Châu Thành, T. Tiền Giang	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
9	NGUYỄN THẾ VŨ BÃO	24/04/2001	X. Phước Thắng, H. Tuy Phước, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
10	HOÀNG THÁI BẢO	23/07/2002	64 Đường 61, Kp3 P. Phước Long B, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	09/12/2020	11/12/2020	29/12/2020	SH lại LT + H
11	NGUYỄN QUỐC BẢO	22/10/2002	X. Hành Thiện, H. Nghĩa Hành, T. Quảng Ngãi	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu

DANH SÁCH HỌC SINH

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Ngày khai giảng	Ngày bế giảng	Ngày sát hạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
12	PHAN CECI	14/02/2001	Ấp 5 X. Tân Mỹ, H. Thanh Bình, T. Đồng Tháp	A1	12/03/2021	14/03/2021	28/03/2021	SH lại TH
13	NGUYỄN THỊ MINH CHÂU	13/09/2001	X. Đức Đồng, H. Đức Thọ, T. Hà Tĩnh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
14	PHẠM THỊ QUỲNH CHÂU	20/01/1997	Số 73 Thôn 12 X. Đinh Trang Hòa, H. Di Linh, T. Lâm Đồng	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
15	NGUYỄN THỊ TIỀN CHỊ	15/05/1989	8/3 Đường 319, Kp3 P. Tân Phú, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
16	TRẦN MINH CHIẾN	16/11/2002	X. Phước Lộc, H. Tuy Phước, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
17	TRẦN MINH CHIẾN	07/07/1999	X. Đức Phú, H. Tánh Linh, T. Bình Thuận	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
18	VÕ HUỲNH KHÁNH CHƯƠNG	20/12/2002	X. Hàm Cường, H. Hàm Thuận Nam, T. Bình Thuận	A1	18/01/2021	20/01/2021	28/01/2021	SH lại TH
19	ĐẶNG THÀNH CÔNG	20/04/1999	Tổ Tiến Bộ P. Ngọc Sơn, Q. Kiến An, TP. Hải Phòng	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
20	NGUYỄN VĂN CÔNG	12/07/2000	2/73/23 Đường 120 P. Tân Phú, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
21	PHẠM MINH CÔNG	02/07/1999	X. Công Bình, H. Nông Cống, T. Thanh Hóa	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
22	LƯƠNG THỊ HIỆP CÚC	14/12/2002	X. Ia Đal, H. Sa Thầy, T. Kon Tum	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
23	HUỲNH QUỐC CƯỜNG	17/09/2001	Long Sơn X. Thông Bình, H. Tân Hồng, T. Đồng Tháp	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
24	LƯƠNG VĂN CƯỜNG	21/02/1984	X. Hải Thượng, H. Tĩnh Gia, T. Thanh Hóa	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
25	NGUYỄN QUANG ĐẠI	12/03/2002	5/15 Lê Văn Chí, Kp3 P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
26	LÊ TRỌNG DANH	06/10/1997	Ấp 4 X. Tân Thành, H. Tân Thạnh, T. Long An	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
27	NGÔ CÔNG DANH	29/01/2002	X. Yên Lộc, H. ý Yên, T. Nam Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
28	ĐẶNG TRẦN TIẾN ĐẠT	20/11/2002	Kv8 P. Đống Đa, TP. Qui Nhơn, T. Bình Định	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
29	LÊ TIẾN ĐẠT	15/10/2002	X. Mỹ Thành, H. Phù Mỹ, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
30	LƯƠNG PHÁT ĐẠT	27/10/2002	X. Tây Vinh, H. Tây Sơn, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu

DANH SÁCH HỌC SINH

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Ngày khai giảng	Ngày bế giảng	Ngày sát hạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
31	VÕ THỊ NHÂN DIÊN	10/10/1999	X. Cát Trinh, H. Phù Cát, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
32	TRẦN PHƯỚC ĐIỀN	24/10/2002	Ấp 7 X. Bình Xuân, TX. Gò Công, T. Tiền Giang	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
33	PHAN THỊ THANH DIỆU	10/12/1999	X. Phước Sơn, H. Tuy Phước, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
34	TRẦN ANH ĐỊNH	08/09/2002	Kv Phụ Quang P. Nhơn Hòa, TX. An Nhơn, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
35	VÕ VĂN ĐỘ	05/06/2002	Căn Cứ X. Vĩnh Phong, H. Vĩnh Thuận, T. Kiên Giang	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
36	LÊ VĂN ĐỒNG	04/12/1987	X. Nghi Trung, H. Nghi Lộc, T. Nghệ An	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
37	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DUNG	02/06/1985	55C Tổ 10, Kp4 P. Tăng Nhơn Phú A, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
38	BÙI THỊ THÙY DƯƠNG	03/04/2001	TDP3 TT. Ma Đa Guôi, H. Đạ Huoai, T. Lâm Đồng	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
39	BÙI THỊ THÙY DƯƠNG	02/12/1994	42/7 Đường 3, Tổ 9, Kp1 P. Tăng Nhơn Phú B, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
40	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	05/01/2001	TDP6 TT. Ma Đa Guôi, H. Đạ Huoai, T. Lâm Đồng	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
41	HUỲNH QUỐC DƯỠNG	15/09/1996	X. Hoài Sơn, H. Hoài Nhơn, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
42	HUỲNH VÕ TRỌNG DUY	19/09/2002	A10, Tổ 8, Ấp Phước Thắng X. Phước Tỉnh, H. Long Điền, T. Bà Rịa - Vũng Tàu	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
43	NGUYỄN DUY	29/07/2002	76 Long Phước P. Long Phước, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
44	NGUYỄN THẾ DUY	01/09/2001	Thôn Quảng Hội 1 X. Vạn Thắng, H. Vạn Ninh, T. Khánh Hòa	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
45	VÕ THỊ DUYÊN	26/07/2001	X. Nghi Xá, H. Nghi Lộc, T. Nghệ An	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
46	HUỲNH THỊ TÁM EM	16/10/1988	Kinh Giữa 2 X. Kế Thành, H. Kế Sách, T. Sóc Trăng	A1	12/03/2021	14/03/2021	28/03/2021	SH lại LT + H
47	HÀM THỊ GIANG	10/05/2001	894/27A Nguyễn Xiển P. Long Thạnh Mỹ, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
48	LỮ THỊ HÀ GIANG	10/09/2000	TT. Bình Dương, H. Phù Mỹ, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu

DANH SÁCH HỌC SINH

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Ngày khai giảng	Ngày bế giảng	Ngày sát hạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
49	NGUYỄN HOÀNG HÀ	07/10/2002	X. Hàm Liêm, H. Hàm Thuận Bắc, T. Bình Thuận	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
50	VŨ THỊ HẠ	18/05/1999	X. Yên Ninh, H. ý Yên, T. Nam Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
51	HOÀNG ĐỨC HẢI	08/10/2002	X. Suối Kiết, H. Tánh Linh, T. Bình Thuận	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
52	NGUYỄN HỒNG GIA HÂN	30/04/2001	15A Đường 29 P. Long Thạnh Mỹ, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
53	NGUYỄN THỊ NGUYỆT HÂN	05/12/2002	X. Hàm Chính, H. Hàm Thuận Bắc, T. Bình Thuận	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
54	PHẠM THỊ NGỌC HÂN	04/11/2002	TDP Quyết Thắng TT. Ea Pốk, H. Cư M'gar, T. Đắk Lắk	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
55	DƯƠNG THỊ THÚY HẰNG	06/02/2002	X. Ân Nghĩa, H. Hoài Ân, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
56	LƯƠNG THANH HẰNG	05/07/2000	Tổ 3, Thuận An X. Thanh An, H. Hớn Quản, T. Bình Phước	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
57	HUỲNH THỊ HỒNG HẠNH	29/04/2000	Phố Bằng X. Tây Phong, H. Cao Phong, T. Hòa Bình	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
58	NGUYỄN THỊ HẠNH	16/11/2002	X. Cát Tường, H. Phù Cát, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
59	LÊ HỒNG HẬU	29/05/2002	X. Đắk La, H. Đắk Hà, T. Kon Tum	A1	12/03/2021	14/03/2021	28/03/2021	SH lại LT + H
60	TRẦN PHÚC HẬU	04/12/2001	Ấp Long Chí X. Long Thành Trung, H. Hòa Thành, T. Tây Ninh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
61	LÊ THỊ HIỀN	26/11/2001	Thôn 6 X. Long Hưng, H. Bù Gia Mập, T. Bình Phước	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
62	NGUYỄN TRỌNG HIỆP	23/11/2001	Phú Ân X. Hòa An, H. Phú Hòa, T. Phú Yên	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
63	ĐOÀN VĂN HIẾU	28/04/2002	X. Ân Tín, H. Hoài Ân, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
64	DƯƠNG MINH HIẾU	25/06/2001	118/10B Trương Văn Thành P. Hiệp Phú, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	18/01/2021	20/01/2021	28/01/2021	SH lại TH
65	LÊ ĐÌNH HIẾU	30/11/2001	Thôn 4 X. Đạm Bri, TP. Bảo Lộc, T. Lâm Đồng	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
66	LƯƠNG NGỌC HIẾU	16/11/2002	16 Lô A, Cx Điện Lực, Kp6 P. Trường Thọ, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
67	NGUYỄN ĐĂNG HIẾU	20/01/2001	TDP14 TT. Eă Drăng, H. Ea H'leo, T. Đắk Lắk	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu

DANH SÁCH HỌC SINH

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Ngày khai giảng	Ngày bế giảng	Ngày sát hạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
68	ĐINH THỊ HẠNH HOA	06/09/2000	290/22/11 Nguyễn Hữu Cảnh P. Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu, T. Bà Rịa - Vũng Tàu	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
69	NGUYỄN KIỀU MỸ HOA	17/12/2002	X. Cát Hưng, H. Phù Cát, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
70	NGUYỄN NHẬT HOA	14/06/1999	149 Tổ 3, Kp Tam Đa P. Long Trường, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
71	LÊ TẤN HOÀI	15/11/1984	95 Phan Đạt Đức, Kp1 P. Long Thạnh Mỹ, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	24/11/2020	26/11/2020	06/12/2020	SH lại LT + H
72	TRẦN QUỐC HOÀI	28/12/2002	X. Hàm Chính, H. Hàm Thuận Bắc, T. Bình Thuận	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
73	THÂN HOÀNG NGỌC HOAN	11/12/2001	E814b Kp5a P. Long Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai	A1	31/07/2020	02/08/2020	03/09/2020	SH lại LT + H
74	LÊ HUY HOÀNG	02/09/1999	Thôn 4 X. Ea Kao, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
75	NGUYỄN HỮU HOÀNG	27/09/2002	X. Phước Hòa, H. Tuy Phước, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
76	NGUYỄN NHẬT HOÀNG	17/12/2000	Phước Yên A X. Phú Quới, H. Long Hồ, T. Vĩnh Long	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
77	NGUYỄN VĂN HỌC	01/10/1980	Thống Nhất X. Hải Ba, H. Hải Lăng, T. Quảng Trị	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
78	NGUYỄN NHẬT HỢP	03/05/2002	510/4 Trần Phú P. Bình Định, TX. An Nhơn, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
79	NGÔ THỊ HUỆ	09/04/1967	X. Thành Tiến, H. Thạch Thành, T. Thanh Hóa	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
80	NGÔ PHI HÙNG	27/07/2002	Ấp Trung Nghĩa X. Xuân Trường, H. Xuân Lộc, T. Đồng Nai	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
81	ĐÀO THỊ XUÂN HƯƠNG	15/07/2001	X. Hành Dũng, H. Nghĩa Hành, T. Quảng Ngãi	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
82	LÊ THỊ NGỌC HƯƠNG	04/02/1996	Tân Bổn X. Phước Ninh, H. Thuận Nam, T. Ninh Thuận	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
83	LÊ THỊ THU HƯƠNG	08/05/1999	Mỹ Hòa X. Hòa Hiệp Bắc, H. Đông Hòa, T. Phú Yên	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
84	VÕ THI HƯƠNG	04/11/1998	Thôn 10 X. Hòa Ninh, H. Di Linh, T. Lâm Đồng	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
85	NGUYỄN GIA HUY	19/11/2002	Ngũ Mỹ X. Ninh Xuân, TX. Ninh Hòa, T. Khánh Hòa	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu

DANH SÁCH HỌC SINH

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Ngày khai giảng	Ngày bế giảng	Ngày sát hạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
86	NGUYỄN TIẾN HUY	30/08/2002	Tổ 14 P.2, TP. Bảo Lộc, T. Lâm Đồng	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
87	PHAN QUỐC HUY	06/12/2002	Thôn Tri C1 X. Dliê Yang, H. Ea H'leo, T. Đắk Lắk	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
88	TRẦN QUANG HUY	21/01/2002	X. Cát Tân, H. Phù Cát, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
89	TRẦN THỊ MỸ HUYỀN	03/03/2003	42/7 Đường 3, Kp1 P. Tăng Nhơn Phú B, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
90	NGUYỄN MINH KHA	01/03/2003	Thới Hiệp X. Đông Thắng, H. Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
91	NGUYỄN QUANG KHẢI	12/12/1997	Phú Nhiêu X. Hòa Mỹ Đông, H. Tây Hòa, T. Phú Yên	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
92	TRẦN KHANG	13/05/2001	Kp14 TT. Phước Dân, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
93	VÕ MINH KHANG	13/08/2002	55/49 Lò Lu P. Trường Thạnh, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
94	CAO LÂM BẢO KHANH	27/10/2001	Tổ 9, Tân Định 2 X. Suối Đá, H. Dương Minh Châu, T. Tây Ninh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
95	NGUYỄN THỊ KHÁNH	11/01/2000	X. Hành Nhân, H. Nghĩa Hành, T. Quảng Ngãi	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
96	PHẠM ĐÌNH KHÁNH	15/11/2002	X. Nhơn Mỹ, TX. An Nhơn, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
97	HUỲNH VÕ NGỌC KHIÊM	17/06/2000	Ninh Chữ 1 TT. Khánh Hải, H. Ninh Hải, T. Ninh Thuận	A1	18/01/2021	20/01/2021	28/01/2021	SH lại TH
98	PHẠM DUY KHIÊM	16/12/2002	Kp Tân Đồng 1 P. Tân Thiện, TX. Đồng Xoài, T. Bình Phước	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
99	ĐOÀN VINH KHOA	10/06/2002	29/13 Đường 14, Kp6 P. Bình Trưng Tây, Q.2, TP. Hồ Chí Minh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
100	NGUYỄN ĐỖ ĐĂNG KHOA	27/02/2003	33/8/2/10 Đường 8, Kp1 P. Linh Xuân, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	A1	12/03/2021	14/03/2021	28/03/2021	SH lại LT + H
101	TRẦN ĐÌNH KHÔI	28/08/1999	30C Đường 16, Kp5 P. Phước Long A, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
102	LÊ THANH KHƯƠNG	12/10/1978	614/86 Tổ 5, Kp1 P. Phước Long B, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
103	NGUYỄN HOÀNG KIÊN	24/04/2001	X. Tịnh Hà, H. Sơn Tịnh, T. Quảng Ngãi	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu

DANH SÁCH HỌC SINH

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Ngày khai giảng	Ngày bế giảng	Ngày sát hạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
104	TRƯƠNG THỊ MỸ KIỀU	01/05/2000	Phước Trạch 2 X. Ea Phê, H. Krông Pắc, T. Đắk Lắk	A1	04/01/2021	06/01/2021	14/01/2021	SH lại LT + H
105	NGUYỄN THỊ KIM	12/08/2001	Thôn 4 X. Xuân Hải, TX. Sông Cầu, T. Phú Yên	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
106	DƯƠNG THỊ LAM	06/06/1999	X. Tịnh Khê, TP. Quảng Ngãi, T. Quảng Ngãi	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
107	ĐẶNG THANH LÂM	03/06/2002	Ấp Đông Thạnh X. An Thái Đông, H. Cái Bè, T. Tiền Giang	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
108	NGUYỄN DUY LÂM	07/08/2002	Tổ 5, Thôn 5 X. Long Sơn, TP. Vũng Tàu, T. Bà Rịa - Vũng Tàu	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
109	NGUYỄN NGỌC LỄ	18/06/2002	Đại Mỹ X. Ninh Thân, TX. Ninh Hòa, T. Khánh Hòa	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
110	NGUYỄN THÀNH LIÊM	10/12/2002	Mỹ Hoán X. Ninh Thân, TX. Ninh Hòa, T. Khánh Hòa	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
111	PHAN VĂN LIÊM	06/11/2001	Láng Me 2 X. Xuân Đông, H. Cẩm Mỹ, T. Đồng Nai	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
112	TRIỆU THỊ THÙY LIÊN	02/05/2002	TDP6A TT. Đạ Tẻh, H. Đạ Tẻh, T. Lâm Đồng	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
113	LÊ HOÀI LINH	25/02/2003	Tây Bình X. Thoại Giang, H. Thoại Sơn, T. An Giang	A1	12/03/2021	14/03/2021	28/03/2021	SH lại LT + H
114	MÃ GIA LINH	13/01/2002	P.V, TP. Vị Thanh, T. Hậu Giang	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
115	PHAN HOÀI LINH	18/08/2002	Thôn 7 X. Phú Sơn, H. Bù Đăng, T. Bình Phước	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
116	THIỀU THỊ DIỆU LINH	04/12/2002	X. Tân Bình, H. Đăk Đoa, T. Gia Lai	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
117	LÊ NGỌC LĨNH	21/06/2002	X. Phước Quang, H. Tuy Phước, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
118	DƯƠNG VĂN LỘC	10/12/2002	X. Cát Tân, H. Phù Cát, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
119	TRẦN THIỆN LỘC	31/12/2002	Khóm 2 P.2, TP. Sa Đéc, T. Đồng Tháp	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
120	NGUYỄN THẮNG LỢI	08/10/2002	X. Phước Hưng, H. Tuy Phước, T. Bình Định	A1	10/11/2020	12/11/2020	21/11/2020	SH lại LT + H
121	NGUYỄN VĂN LỢI	03/08/2002	Thôn 2A X. Hòa Tiến, H. Krông Pắc, T. Đắk Lắk	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
122	HÀ THÀNH LONG	21/12/2002	189/32 Đình Phong Phú P. Tăng Nhơn Phú B, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu

DANH SÁCH HỌC SINH

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Ngày khai giảng	Ngày bế giảng	Ngày sát hạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
123	LÊ ĐỨC LONG	20/11/2002	63/38 Đường 10 P. Tăng Nhơn Phú B, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
124	LÊ HOÀNG LONG	20/07/1998	9 Đường 2, Kp1 P. Phước Bình, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	12/03/2021	14/03/2021	28/03/2021	SH lại LT + H
125	LÊ THÀNH LONG	28/11/2000	Ấp Thanh Sơn X. Thanh Phú, TX. Bình Long, T. Bình Phước	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
126	LÊ VŨ LONG	23/02/2002	X. Nhơn Hạnh, TX. An Nhơn, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
127	NGUYỄN THÀNH LONG	30/11/1973	114/24 Tam Châu, Kp1 P. Tam Bình, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	A1	12/03/2021	14/03/2021	28/03/2021	SH lại LT + H
128	VÕ THÀNH LUÂN	28/10/2001	Suối Cau X. Sơn Hà, H. Sơn Hòa, T. Phú Yên	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
129	ĐINH GIA LƯƠNG	18/01/2003	210/20/4 Đường 11, Kp8 P. Trường Thọ, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
130	LÊ QUỐC LƯƠNG	01/08/2002	TDP 3B TT. Ea Kar, H. Ea Kar, T. Đắk Lắk	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
131	TRẦN HUỲNH LƯU	25/02/2001	X. Hoài Tân, H. Hoài Nhơn, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
132	NGUYỄN THỊ TRÚC LY	16/02/1998	95 Đường 265, Kp5 P. Hiệp Phú, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
133	NGUYỄN ĐÌNH MẠNH	22/02/1999	X. Nghi Hợp, H. Nghi Lộc, T. Nghệ An	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
134	HỒ THỊ TRÀ MY	02/06/2001	X. Cát Trinh, H. Phù Cát, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
135	NGUYỄN HẠ MY	27/09/2000	Ấp 7 X. Phú Ngọc, H. Định Quán, T. Đồng Nai	A1	04/01/2021	06/01/2021	14/01/2021	SH lại LT + H
136	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	04/08/1999	TDP5 TT. Phước An, H. Krông Pắc, T. Đắk Lắk	A1	18/01/2021	20/01/2021	28/01/2021	SH lại LT + H
137	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	09/11/2002	X. Nhơn Phúc, TX. An Nhơn, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
138	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	06/09/2001	63/11 Đường 10, Kp2 P. Tăng Nhơn Phú B, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
139	TRẦN THỊ NGỌC MỸ	01/07/2000	Khóm 2 P.9, TP. Trà Vinh, T. Trà Vinh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
140	BÙI VĂN NAM	20/10/2002	X. Định Công, H. Yên Định, T. Thanh Hóa	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
141	LÊ THANH NAM	14/08/2000	X. Đắk Sin, H. Đắk R'Lấp, T. Đắk Nông	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu

DANH SÁCH HỌC SINH

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Ngày khai giảng	Ngày bế giảng	Ngày sát hạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
142	LÊ THÀNH NAM	19/06/2000	Ấp 9 X. Lộc Thái, H. Lộc Ninh, T. Bình Phước	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
143	NGUYỄN HOÀNG NAM	27/09/2000	40 Đường 182 Kp3 P. Tăng Nhơn Phú A, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
144	NGUYỄN HOÀNG VŨ NAM	22/12/2002	Phú Long X. Tân Phú Đông, TP. Sa Đéc, T. Đồng Tháp	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
145	NGUYỄN VĂN NAM	28/08/2002	X. Bình Hòa, H. Tây Sơn, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
146	TÔ VĂN NAM	25/09/1996	Tổ 8, Thanh Sơn X. Thanh An, H. Hớn Quản, T. Bình Phước	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
147	CAO THỊ TUYẾT NGA	27/08/2002	Ấp Hòa Điền X. Hòa Khánh, H. Cái Bè, T. Tiền Giang	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
148	LÊ THỊ KIM NGÂN	30/05/1999	Ấp Tân Đời X. Vĩnh Tuy, H. Gò Quao, T. Kiên Giang	A1	12/03/2021	14/03/2021	28/03/2021	SH lại TH
149	LÊ THỊ KIM NGÂN	11/07/2001	Ấp 4 X. Cẩm Sơn, H. Cai Lậy, T. Tiền Giang	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
150	LÊ THỊ TRÚC NGÂN	25/08/2002	Thôn 9 X. Lộc An, H. Bảo Lâm, T. Lâm Đồng	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
151	NGUYỄN BÙI THANH NGÂN	16/09/2002	X. Hoài Xuân, H. Hoài Nhơn, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
152	PHẠM THẢO NGÂN	07/07/2001	350D, Kp2 P. Bình Đa, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
153	ĐẶNG BỬU NGHĨA	03/07/1972	164 Đường 30/4 P. Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu, T. Bà Rịa - Vũng Tàu	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
154	NGUYỄN VĂN NGHĨA	13/10/1999	X. Sơn Mỹ, H. Hàm Tân, T. Bình Thuận	A1	19/05/2020	21/05/2020	29/05/2020	SH lại LT + H
155	NGUYỄN GIA NGỌC	02/07/2001	TT. Phú Long, H. Hàm Thuận Bắc, T. Bình Thuận	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
156	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	22/12/2001	Ấp 3 X. Tân Hội Trung, H. Cao Lãnh, T. Đồng Tháp	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
157	PHẠM VĂN NGỌC	01/12/2001	12C Kp10 P. An Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
158	NGUYỄN NGỌC MINH	26/05/2000	12 Đường 6, Tổ 14, Kp1 P. Hiệp Phú, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	18/01/2021	20/01/2021	28/01/2021	SH lại TH
159	NGUYỄN TRUNG NGUYÊN	07/07/2000	X. Trường Xuân, H. Đắk Song, T. Đắk Nông	A1	12/03/2021	14/03/2021	28/03/2021	SH lại LT + H

DANH SÁCH HỌC SINH

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Ngày khai giảng	Ngày bế giảng	Ngày sát hạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
160	PHẠM CHÍ NGUYÊN	30/07/2002	Đa Ngư X. Hòa Hiệp Nam, H. Đông Hòa, T. Phú Yên	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
161	HỒ THỊ THANH NHÀN	09/07/2002	X. Tiến Hóa, H. Tuyên Hóa, T. Quảng Bình	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
162	HUỲNH NGUYỄN THANH NHÀN	19/10/2002	TT. Phú Long, H. Hàm Thuận Bắc, T. Bình Thuận	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
163	VĂN QUỐC NHÀN	14/08/1979	123/2 Tổ 10, Kp2 P. Phước Long B, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
164	CÁP TRỌNG NHÂN	20/06/2001	X. Nhơn Phong, TX. An Nhơn, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
165	DI MINH NHÂN	14/02/2003	7/14 Đường 182 P. Tăng Nhơn Phú A, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
166	VÕ THÀNH NHÂN	24/04/2001	435/BH X. Vĩnh Hòa, H. Ba Tri, T. Bến Tre	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
167	HÀ Ý NHI	26/02/2002	Thôn 6 X. Long Tân, H. Bù Gia Mập, T. Bình Phước	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
168	LÊ TRẦN LONG NHI	23/11/2002	12/3 Đường 3, Kp1 P. Tăng Nhơn Phú B, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
169	NGUYỄN LINH NHI	22/10/2002	X. Xuân Trường, H. Nghi Xuân, T. Hà Tĩnh	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
170	TRẦN YẾN NHI	24/01/2001	TT. Bồng Sơn, H. Hoài Nhơn, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
171	ĐỖ ĐÌNH NHU	30/07/2001	3A/C25 Đường 449 P. Tăng Nhơn Phú A, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	04/01/2021	06/01/2021	14/01/2021	SH lại LT + H
172	NGUYỄN THỊ HOÀNG NHƯ	01/10/2002	Ấp Tân Bình TT. Tân Trụ, H. Tân Trụ, T. Long An	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
173	ĐINH THỊ NGỌC NHUNG	19/07/1998	Thôn Tân Sơn X. Ea Knuêc, H. Krông Pắc, T. Đắk Lắk	A1	18/01/2021	20/01/2021	28/01/2021	SH lại LT + H
174	LÊ CẨM NHUNG	23/11/2001	50/5/20 Mạc Hiển Tích P. Long Bình, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
175	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	20/11/2001	X. Phước Sơn, H. Tuy Phước, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
176	LÊ VĂN NƯỚC	01/01/1985	X. Tân Hưng Đông, H. Cái Nước, T. Cà Mau	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
177	PHẠM HỮU PHÁT	28/11/2002	TT. Tuy Phước, H. Tuy Phước, T. Bình Định	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu

DANH SÁCH HỌC SINH

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Ngày khai giảng	Ngày bế giảng	Ngày sát hạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
178	TRẦN TRỌNG PHÁT	02/05/1993	Đông Trung X. Tân Chánh, H. Cần Đước, T. Long An	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
179	VÕ THÀNH PHÁT	11/12/2002	22/14 Gò Cát, Kp4 P. Phú Hữu, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	12/03/2021	14/03/2021	28/03/2021	SH lại TH
180	DƯƠNG MINH PHI	01/02/2002	56/4 Đường1 P. Trường Thạnh, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
181	NGUYỄN HỒNG PHI	04/11/1972	180/42A Xô Viết Nghệ Tĩnh P.21, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	A1	18/01/2021	20/01/2021	28/01/2021	SH lại TH
182	TRẦN VĂN PHÚC	20/08/2001	Thôn 12 X. Ea Kmút, H. Ea Kar, T. Đắk Lắk	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
183	TƯỞNG HOÀNG PHÚC	17/01/2003	Mỹ Tân X. Nhơn Mỹ, H. Kế Sách, T. Sóc Trăng	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
184	VÕ VĂN PHÚC	15/07/1985	X. Thạch Vĩnh, H. Thạch Hà, T. Hà Tĩnh	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
185	ĐÀO NGỌC PHỤNG	24/08/2000	TDP1 TT. Quảng Phú, H. Cư M'gar, T. Đắk Lắk	A1	18/01/2021	20/01/2021	28/01/2021	SH lại LT + H
186	LÊ MINH PHƯƠNG	09/12/2002	180 Đường 2, Kp1 P. Tăng Nhơn Phú B, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
187	NGUYỄN PHAN HOÀI	02/10/2002	X. Hoài Thanh, H. Hoài Nhơn, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
188	NGUYỄN VĂN PHƯỜNG	02/02/1999	X. Nghĩa Hiệp, H. Tư Nghĩa, T. Quảng Ngãi	A1	24/11/2020	26/11/2020	06/12/2020	SH lại LT + H
189	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	21/02/1998	X. Cát Tài, H. Phù Cát, T. Bình Định	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
190	NGUYỄN THỊ HỒNG PHƯỢNG	11/01/1987	58/6 Tổ 4, Kp Ông Nhiêu P. Long Trường, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
191	VŨ HẢI PHƯỢNG	21/02/2003	7/19E Đường 182, Kp3 P. Tăng Nhơn Phú A, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
192	LƯƠNG THANH QUÂN	03/09/2002	Tổ 3, Thuận An X. Thanh An, H. Hớn Quản, T. Bình Phước	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
193	NGUYỄN MINH QUÂN	05/12/2002	Bàn Nham Nam X. Hòa Xuân Tây, H. Đông Hòa, T. Phú Yên	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
194	TRẦN THÚY QUÂN	19/11/2002	Kv Tiên Hòa P. Nhơn Hưng, TX. An Nhơn, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
195	TRẦN VĂN QUÂN	15/11/1999	X. Liên Minh, H. Đức Thọ, T. Hà Tĩnh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu

DANH SÁCH HỌC SINH

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Ngày khai giảng	Ngày bế giảng	Ngày sát hạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
196	TRỊNH QUỐC QUÂN	23/12/2002	36/3E Đường 212 P. Phước Long A, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	04/01/2021	06/01/2021	14/01/2021	SH lại LT + H
197	NGUYỄN VĂN QUANG	01/11/1999	X. Kiến Thành, H. Đắk R'Lấp, T. Đắk Nông	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
198	NGUYỄN THỊ LỆ QUI	20/09/2001	X. Mỹ Chánh Tây, H. Phù Mỹ, T. Bình Định	A1	04/01/2021	06/01/2021	14/01/2021	SH lại LT + H
199	ĐÀO KIM QUÍ	30/01/1997	Kp5 TT. Phước Dân, H. Ninh Phước, T. Ninh Thuận	A1	18/01/2021	20/01/2021	28/01/2021	SH lại LT + H
200	NGUYỄN BẢO QUỐC	10/02/1996	Bắc Trung X. Ea Tân, H. Krông Năng, T. Đắk Lắk	A1	04/01/2021	06/01/2021	14/01/2021	SH lại LT + H
201	NGUYỄN THỊ QUỲNH QUYÊN	20/10/2002	Kp2 TT. Châu Thành, H. Châu Thành, T. Tây Ninh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
202	TRẦN THỊ BÍCH QUYÊN	30/08/1991	X. Hàm Đức, H. Hàm Thuận Bắc, T. Bình Thuận	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
203	TRỊNH TRỌNG QUYỀN	22/02/2002	X. Nghĩa Khánh, H. Nghĩa Đàn, T. Nghệ An	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
204	VŨ VĂN QUYẾT	10/08/1993	X. Thái Thọ, H. Thái Thụy, T. Thái Bình	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
205	LÊ DIỄM QUỲNH	28/11/2002	X. Nghĩa Phú, TP. Quảng Ngãi, T. Quảng Ngãi	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
206	PHẠM HẠ QUỲNH	05/10/1999	897C Phú Hào X. Phú Hưng, TP. Bến Tre, T. Bến Tre	A1	26/06/2020	28/06/2020	05/07/2020	SH lại TH
207	LÊ CHÂU SANG	06/12/2002	455A Khu Phố 5 P. An Phú, Q.2, TP. Hồ Chí Minh	A1	12/03/2021	14/03/2021	28/03/2021	SH lại LT + H
208	THẠCH SANG	12/09/2000	B8/194/2 Ấp 2 X. Bình Lợi, H. Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
209	HỒ CÔNG SÁNG	05/01/2002	38/20B Tổ 7, Kp3 P. Phước Long B, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
210	LÊ VĂN PHƯỚC SINH	27/01/2002	X. Ân Tín, H. Hoài Ân, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
211	ĐẶNG QUANG SÔNG	09/10/2001	X. Long Nguyên, H. Bàu Bàng, T. Bình Dương	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
212	HÀ MINH TÀI	14/01/2003	Thạnh Ninh X. Thạnh Thới Thuận, H. Trần Đề, T. Sóc Trăng	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
213	NGUYỄN THỊ MỸ TÀI	28/01/2001	X. Canh Vinh, H. Vân Canh, T. Bình Định	A1	24/11/2020	26/11/2020	06/12/2020	SH lại TH
214	NGUYỄN TRỌNG TÂM	10/08/1996	P. Nghĩa Trung, TX. Gia Nghĩa, T. Đắk Nông	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu

DANH SÁCH HỌC SINH

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Ngày khai giảng	Ngày bế giảng	Ngày sát hạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
215	PHẠM HOÀNG TÂN	16/03/2001	X. Nhơn Lộc, TX. An Nhơn, T. Bình Định	A1	09/12/2020	11/12/2020	29/12/2020	SH lại LT + H
216	TRẦN HUỲNH MINH TÂN	23/10/1999	Lương Tín X. Mỹ Lương, H. Cái Bè, T. Tiền Giang	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
217	TRƯƠNG NGỌC TÂN	16/02/1996	Kp2 P. Thác Mơ, TX. Phước Long, T. Bình Phước	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
218	PHAN ĐÌNH TẦN	22/06/2001	X. Cát Khánh, H. Phù Cát, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
219	ĐỖ THỊ THẮM	04/11/2000	X. Thụy Thanh, H. Thái Thụy, T. Thái Bình	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
220	TRẦN VĂN NHẬT THẮNG	08/03/2003	Thôn An Cư X. Cư Huê, H. Ea Kar, T. Đắk Lắk	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
221	ĐẶNG PHÚC THÀNH	04/04/1995	198/33 Vĩnh Hiệp X. Vĩnh Thành, H. Chợ Lách, T. Bến Tre	A1	04/01/2021	06/01/2021	14/01/2021	SH lại LT + H
222	NGUYỄN QUAN TẤT THÀNH	17/08/2002	67A Tổ 8, Kp4 P. Tăng Nhơn Phú A, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
223	NGUYỄN VĂN THÀNH	10/08/2001	TT. Phan Rí Cửa, H. Tuy Phong, T. Bình Thuận	A1	24/11/2020	26/11/2020	06/12/2020	SH lại LT + H
224	HUỲNH THỊ THANH THẢO	02/10/2000	TT. Phú Long, H. Hàm Thuận Bắc, T. Bình Thuận	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
225	NGÔ THỊ THU THẢO	20/11/2000	X. Bình An, H. Bình Sơn, T. Quảng Ngãi	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
226	NGUYỄN NGỌC THU THẢO	24/11/2002	X. Trà Tân, H. Đức Linh, T. Bình Thuận	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
227	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	09/11/2002	Ninh Lợi X. Ninh Quới A, H. Hồng Dân, T. Bạc Liêu	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
228	TRẦN MINH THẢO	13/09/1998	2/33 Đường 207, Kp4 P. Hiệp Phú, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
229	ĐOÀN VĂN THIÊN	15/05/2002	X. Ân Tín, H. Hoài Ân, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
230	NGUYỄN HỮU THIỆN	26/08/2002	Ấp Suối Sóc X. Xuân Mỹ, H. Cẩm Mỹ, T. Đồng Nai	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
231	NGUYỄN THỊ THIẾT	07/06/1999	X. Cát Trinh, H. Phù Cát, T. Bình Định	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
232	DƯƠNG PHÚC THỊNH	11/02/2002	200/16 Lê Văn Việt, Kp4 P. Tăng Nhơn Phú B, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
233	HỒ PHÙNG ĐỨC THỊNH	10/07/2002	X. Phước Quang, H. Tuy Phước, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu

DANH SÁCH HỌC SINH

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Ngày khai giảng	Ngày bế giảng	Ngày sát hạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
234	PHẠM KHÁNH THỊNH	27/04/2000	61/9E Đường 185, Kp5 P. Phước Long B, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
235	TRẦN VĂN THỊNH	17/03/1999	Ấp 9 X. Tân Lập, H. Đồng Phú, T. Bình Phước	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
236	TRẦN THỊ KIM THU	17/10/2002	X. Nghĩa Lạc, H. Nghĩa Hưng, T. Nam Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
237	ĐẶNG THỊ ÁNH THƯ	06/07/2000	Bình Hòa Hạ X. Thường Thới Hậu B, H. Hồng Ngự, T. Đồng Tháp	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
238	ĐÀO THỊ ANH THƯ	19/11/2001	Thế Hiên X. An Nghiệp, H. Tuy An, T. Phú Yên	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
239	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	04/08/2002	Ấp 1 X. Thủy Tây, H. Thạnh Hóa, T. Long An	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
240	VÕ NGỌC ANH THƯ	08/10/2002	3/25/11A3 Đường 182, Kp3 P. Tăng Nhơn Phú A, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	09/12/2020	11/12/2020	29/12/2020	SH lại LT + H
241	VÕ NGỌC ANH THƯ	17/09/1999	71/9 Tổ 5, Kp1 P. Tân Phú, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
242	NGUYỄN MINH THUẬN	19/04/2002	X. Gia An, H. Tánh Linh, T. Bình Thuận	A1	18/01/2021	20/01/2021	28/01/2021	SH lại LT + H
243	NGUYỄN VĂN THUẬN	18/06/1999	80/17 Đường 4 P. Tam Phú, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
244	TRẦN TẤN THUẬN	15/12/2002	Trung Lương X. Tam Mỹ Tây, H. Núi Thành, T. Quảng Nam	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
245	HUỲNH NGỌC NGÁT THƯƠNG	05/10/2002	Tân Phước Bắc X. Vạn Phước, H. Vạn Ninh, T. Khánh Hòa	A1	18/01/2021	20/01/2021	28/01/2021	SH lại LT + H
246	HUỲNH VÕ KIM THUY	21/05/2000	A10, Tổ 8, Ấp Phước Thắng X. Phước Tỉnh, H. Long Điền, T. Bà Rịa - Vũng Tàu	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
247	LÊ THỊ THÚY	26/05/1984	X. Định Tân, H. Yên Định, T. Thanh Hóa	A1	06/07/2020	08/07/2020	17/07/2020	SH lại LT + H
248	NGUYỄN THỊ KIM THÙY	12/12/2002	Vĩnh Thới X. Vĩnh Kim, H. Châu Thành, T. Tiền Giang	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
249	NGUYỄN TRÚC TIÊN	31/10/2002	119 Trương Văn Hải P. Tăng Nhơn Phú B, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	09/12/2020	11/12/2020	29/12/2020	SH lại TH
250	TRẦN LÊ THỊ THỦY TIÊN	20/08/2002	X. Bình Chương, H. Bình Sơn, T. Quảng Ngãi	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
251	HÀNG THANH TIẾN	29/07/2000	Xà Bang 2 X. Xà Bang, H. Châu Đức, T. Bà Rịa - Vũng Tàu	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu

DANH SÁCH HỌC SINH

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Ngày khai giảng	Ngày bế giảng	Ngày sát hạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
252	HUỲNH MINH TIẾN	23/01/2001	TT. Chợ Chùa, H. Nghĩa Hành, T. Quảng Ngãi	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
253	NGUYỄN ĐỨC TIẾN	28/08/2002	Ấp 4 X. Nam Cát Tiên, H. Tân Phú, T. Đồng Nai	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
254	LÂM THỊ THU TIỀN	19/09/2002	Đông Lộc X. Hòa Thắng, H. Phú Hòa, T. Phú Yên	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
255	TRẦN THỊ KIM TIỀN	15/09/2002	Mỹ Hiệp X. Mỹ Hòa Hưng, TP. Long Xuyên, T. An Giang	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
256	NGUYỄN THỊ MINH TÍNH	10/01/1999	X. Phước Sơn, H. Tuy Phước, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
257	HỒ THANH TOÀN	11/01/2003	320 Võ Văn Ngân, Kp3 P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	A1	12/03/2021	14/03/2021	28/03/2021	SH lại LT + H
258	NGUYỄN CÔNG TOÀN	30/05/2000	X. Bắc Thành, H. Yên Thành, T. Nghệ An	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
259	TRẦN THANH TRA	19/11/2001	X. Đăk Mang, H. Hoài Ân, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
260	HUỲNH THỊ PHƯƠNG TRÂM	04/05/2002	Ấp 1 X. An Viễn, H. Trảng Bom, T. Đồng Nai	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
261	PHẠM NGUYỄN NGỌC TRÂM	17/08/2002	100 Đường 10, Kp3 P. Tam Bình, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	A1	18/01/2021	20/01/2021	28/01/2021	SH lại TH
262	PHAN THỊ NGỌC TRÂM	11/10/1997	TT. Phú Phong, H. Tây Sơn, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
263	TRẦN NGỌC TRÂM	23/07/2002	Ấp 3 X. Thừa Đức, H. Cẩm Mỹ, T. Đồng Nai	A1	04/01/2021	06/01/2021	14/01/2021	SH lại LT + H
264	NGUYỄN THỊ TRANG	23/09/2000	TT. Phú Lộc, H. Phú Lộc, T. Thừa Thiên Huế	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
265	NGUYỄN THỊ THU TRANG	24/12/1999	Kp Thắng Lợi TT. Tân Phú, H. Đồng Phú, T. Bình Phước	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
266	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	29/12/2000	X. Tiến Đức, H. Hưng Hà, T. Thái Bình	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
267	ĐÀO XUÂN TRÍ	26/11/2002	X. Ân Đức, H. Hoài Ân, T. Bình Định	A1	18/01/2021	20/01/2021	28/01/2021	SH lại LT + H
268	PHẠM MINH TRÍ	16/12/2001	X. Ia Dreng, H. Chư Pưh, T. Gia Lai	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
269	TRỊNH ĐÌNH TRÌNH	07/04/1999	X. Xuân Yên, H. Thọ Xuân, T. Thanh Hóa	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
270	NGÔ ĐÌNH TRỌNG	23/08/1988	37/16A Đường 22, Tổ 13, Kp4 P. Phước Long B, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	18/01/2021	20/01/2021	28/01/2021	SH lại LT + H
271	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	09/05/2001	394/37, Kp1 P. Trung Dũng, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu

DANH SÁCH HỌC SINH

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Ngày khai giảng	Ngày bế giảng	Ngày sát hạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
272	NGUYỄN PHÚ TRUNG	07/03/1997	10B Kp3 P. Phước Long A, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
273	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	03/12/2002	X. Tây Phú, H. Tây Sơn, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
274	BÙI UYÊN TÚ	28/09/1978	50 Đường 12A, Kp Chân Phúc Cẩm P. Long Thạnh Mỹ, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
275	HỒ ANH TÚ	01/04/2002	X. Đắk N'Drung, H. Đắk Song, T. Đắk Nông	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
276	HUỲNH THANH TÚ	25/11/2002	X. H Bông, H. Chư Sê, T. Gia Lai	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
277	LÊ THỊ CẨM TÚ	16/07/1996	X. Đức Lợi, H. Mộ Đức, T. Quảng Ngãi	A1	09/12/2020	11/12/2020	29/12/2020	SH lại LT + H
278	VÕ HỒNG CẨM TÚ	07/03/2003	292 Dương Đình Hội, Kp3 P. Tăng Nhơn Phú B, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
279	NGUYỄN THANH TUẤN	02/08/2001	Phước Lộc X. Hòa Tâm, H. Đông Hòa, T. Phú Yên	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
280	PHẠM MINH TUẤN	25/12/2002	405 Lô L Cư Xá Thanh Đa, Tổ 62 P.27, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
281	TRẦN QUANG TUẤN	21/09/2002	X. Tây Phú, H. Tây Sơn, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
282	TRỊNH QUANG TUẤN	26/09/2002	X. Hành Thiện, H. Nghĩa Hành, T. Quảng Ngãi	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
283	TRƯƠNG VĂN ANH TUẤN	24/01/1999	Ấp 5 X. Xuân Hưng, H. Xuân Lộc, T. Đồng Nai	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
284	VÕ VĂN TUẤN	12/09/2002	A19 Tổ 6, Ấp Phước Thắng X. Phước Tỉnh, H. Long Điền, T. Bà Rịa - Vũng Tàu	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
285	TRẦN THANH TÙNG	14/10/1998	212/5A Tổ 6, Kp3 P. Tăng Nhơn Phú A, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
286	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	16/08/2000	50 Đường 12A, Kp Chân Phúc Cẩm P. Long Thạnh Mỹ, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	26/03/2021	28/03/2021	23/04/2021	SH lần đầu
287	TRẦN HÀ THU UYÊN	07/02/2000	X. Cát Tân, H. Phù Cát, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
288	LÊ THẢO VÂN	06/02/2001	TDP14 TT. Di Linh, H. Di Linh, T. Lâm Đồng	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
289	LÊ THỊ HỒNG VÂN	29/08/2001	Giang Thủy X. Ea Puk, H. Krông Năng, T. Đắk Lắk	A1	12/03/2021	14/03/2021	28/03/2021	SH lại LT + H
290	NGUYỄN HỒNG VÂN	11/11/2000	1777 Nguyễn Duy Trinh P. Trường Thạnh, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	06/10/2020	08/10/2020	18/10/2020	SH lại TH

DANH SÁCH HỌC SINH

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Ngày khai giảng	Ngày bế giảng	Ngày sát hạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
291	NGUYỄN THỊ THU VÂN	04/11/2002	33/8/1 Đường 8, Kp1 P. Linh Xuân, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	A1	04/01/2021	06/01/2021	14/01/2021	SH lại LT + H
292	TRANG KIM VÀNG	12/09/2000	Bào Trâm X. Nam Yên, H. An Biên, T. Kiên Giang	A1	12/03/2021	14/03/2021	28/03/2021	SH lại LT + H
293	NGUYỄN THỊ KIỀU VI	19/09/2002	X. Nghĩa Kỳ, H. Tư Nghĩa, T. Quảng Ngãi	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
294	NGUYỄN ĐÌNH VIÊN	16/11/2001	X. Hành Thiện, H. Nghĩa Hành, T. Quảng Ngãi	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
295	NGUYỄN THÀNH VINH	15/10/2002	236 Ấp 1 X. Bình Tâm, TP. Tân An, T. Long An	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
296	LÃ QUANG VŨ	03/04/2001	Thôn 13 X. Lộc Thành, H. Bảo Lâm, T. Lâm Đồng	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
297	NGUYỄN HỒNG VŨ	19/10/1992	X. Tam Quan Nam, H. Hoài Nhơn, T. Bình Định	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
298	CHU HỒ HOÀNG VY	20/10/2002	Khu Vực 5 TT. Đức Hòa, H. Đức Hòa, T. Long An	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
299	LÊ VY	12/10/2001	Thôn 2 X. Hòa An, H. Krông Pắc, T. Đắk Lắk	A1	16/04/2021	18/04/2021	07/05/2021	SH lần đầu
300	NGUYỄN BẢO XUYÊN	25/11/1990	3A Lã Xuân Oai, Kp4 P. Tăng Nhơn Phú A, Q.9, TP. Hồ Chí Minh	A1	15/09/2020	17/09/2020	28/09/2020	SH lại LT + H

Nơi nhận
- *Như trên:*
- *Lưu:HC*

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)